

MỤC LỤC

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

- 1. Nguyễn Tố Như, Đặng Văn Mỹ và Ngô Thị Khuê Thu** - Ảnh hưởng của marketing - mix xanh đến ý định mua xanh của người tiêu dùng Việt Nam. **Mã số: 190.1BMkt.11** 3
The Influence of Green Marketing - Mix on Green Purchase Intention of Vietnamese Consumers
- 2. Nguyễn Thị Mỹ Thanh và Nguyễn Hữu Khôi** - Nghiên cứu mối quan hệ giữa giá trị cảm nhận và thái độ tới ý định sử dụng thương mại phát trực tiếp của người tiêu dùng tại Khánh Hòa. **Mã số: 190.1BMkt.11** 18
Studying the Relationship Between Perceived Value and Attitude on Continuance Intention to Use Live - Streaming Commerce of Consumer In Khanh Hoa Province
- 3. Phạm Hùng Cường và Nguyễn Thanh Ngân** - Những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng trên các sàn thương mại điện tử của sinh viên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. **Mã số: 190.1BMkt.11** 38
Factors affecting students' purchasing decisions on e-commerce platforms in Ho Chi Minh City

QUẢN TRỊ KINH DOANH

- 4. Đỗ Vũ Phương Anh, Bùi Quang Tuyền và Nguyễn Văn Úc** - Đánh giá năng lực cán bộ quản lý cấp trung theo tiếp cận khung năng lực: Nghiên cứu tình huống Công ty TNHH Samsung Display Việt Nam. **Mã số: 190.2HRMg.21** 50
Assessing the competencies of middle managers using the competency framework approach: Case study of Samsung Display Vietnam Co., Ltd

- 5. Bùi Nhất Vương, Võ Thị Hiếu, Lê Thị Phượng Liên và Đinh Thanh Vy** - Tác động của trí tuệ văn hóa đến hiệu quả phục hồi dịch vụ: Bằng chứng thực nghiệm từ các chuyến bay quốc tế của các hãng hàng không Việt Nam. *Mã số: 190.2BAdm.21* 65

The impact of cultural intelligence on service recovery performance: Evidence from international flights of Vietnamese airlines

- 6. Nguyễn Thị Bích Loan và Nguyễn Thị Tú Quyên** - Tác động của quản trị nhân lực xanh đến hiệu quả môi trường tại các khách sạn 3- 5 sao trên địa bàn thành phố Hà Nội. *Mã số: 190.2TRMg.21* 82

The Impact of Green Human Resources Management on Environmental Performance At 3- 5 Star Hotels in Hanoi City

- 7. Đỗ Minh Thụy** - Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng và niềm tin điện tử của người mua hàng may mặc: khảo sát tại thành phố Hà Nội. *Mã số: 190.2BMkt.21* 96

Factors Affecting Customer Satisfaction and E-Trust of Clothing Shoppers: A Survey in Hanoi City

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

- 8. Phạm Tuấn Anh** - Ảnh hưởng của hiểu biết tài chính cá nhân tới quyết định tiết kiệm qua các kênh chính thức của cư dân nông thôn Miền Bắc Việt Nam. *Mã số: 190.3FiBa.31* 105

The impact of personal financial literacy on rural individuals' decisions to use official savings channels: a case study from the North of Vietnam

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

ẢNH HƯỞNG CỦA HIỂU BIẾT TÀI CHÍNH CÁ NHÂN TỚI QUYẾT ĐỊNH TIẾT KIỆM QUA CÁC KÊNH CHÍNH THỨC CỦA CƯ DÂN NÔNG THÔN MIỀN BẮC VIỆT NAM

Phạm Tuấn Anh
Trường Đại học Thương mại
Email: phamtuananh@tmu.edu.vn

Ngày nhận: 09/04/2024

Ngày nhận lại: 20/05/2024

Ngày duyệt đăng: 24/05/2024

Tiết kiệm qua các kênh chính thức là lựa chọn ưu tiên đối với cư dân nông thôn ưa thích sự an toàn và khả năng sinh lợi ổn định. Ngược lại, việc lựa chọn các kênh tiết kiệm không chính thức có thể hứa hẹn lãi suất cao hơn nhưng hàm chứa nhiều rủi ro hơn. Nghiên cứu này được thực hiện với mong muốn khám phá ảnh hưởng của hiểu biết tài chính cá nhân tới xác suất lựa chọn tiết kiệm qua các kênh chính thức nhằm đưa ra các hàm ý và khuyến nghị giúp thúc đẩy người dân nông thôn sử dụng các hình thức tiết kiệm an toàn và có hiệu quả. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu khảo sát bằng bảng hỏi trực tuyến cấu trúc với kỹ thuật lấy mẫu phi xác suất thuận tiện được thực hiện với 931 đáp viên, sử dụng các kỹ thuật phân tích thống kê mô tả, phân tích sự khác biệt giá trị trung bình và hồi quy Binary Logistic. Các phát hiện nghiên cứu cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm trung bình đánh giá các khía cạnh hiểu biết tài chính cá nhân giữa các nhóm đáp viên phân theo các tiêu chí xã hội học. Xác suất tiết kiệm qua các kênh chính thức chịu tác động thuận chiều của các yếu tố sắp xếp theo thứ tự quan trọng lần lượt là “Kiến thức tài chính”, “Hành vi tài chính”, “Nhóm tuổi” và “Thu nhập”, đồng thời chịu tác động ngược chiều từ “Kỹ năng tài chính”. Các kết quả nghiên cứu là cơ sở cho các hàm ý quản lý tài chính cá nhân và các khuyến nghị chính sách nhằm tăng cường hiểu biết tài chính, thúc đẩy người dân khu vực nông thôn sử dụng các kênh tiết kiệm chính thức, góp phần phát triển tiếp cận tài chính toàn diện ở khu vực nông thôn Việt Nam một cách bền vững.

Từ khóa: Hiểu biết tài chính, kiến thức tài chính cá nhân, thái độ tài chính cá nhân, kỹ năng tài chính cá nhân, hành vi tài chính cá nhân, tiết kiệm chính thức.

JEL Classifications: C25, D14.

DOI: 10.54404/JTS.2024.190V.08

1. Đặt vấn đề

Hiểu biết tài chính cá nhân ngày càng trở nên quan trọng trong thế giới hiện đại và đã trở thành một vấn đề quan trọng liên quan đến sự thành công về kinh tế của một quốc gia. Đối với người dân khu vực nông thôn, tiết kiệm là một trong những cách thức cơ bản để đảm bảo sự an toàn tài chính cho bản thân và gia đình. Mặc dù vậy, bên cạnh việc sử dụng các kênh tiết kiệm chính thức như mua trái phiếu, tiết kiệm tại quỹ tín dụng nhân dân, tại các ngân hàng thương mại,... thì còn một bộ phận không nhỏ người dân nông thôn tìm tới các kênh tín dụng không chính thức, với mong

muôn nhận lãi suất cao, nhưng lại phải đối diện với không ít rủi ro và bất trắc. Hiểu biết tài chính cá nhân, mà cụ thể là kiến thức, kỹ năng, thái độ và hành vi tài chính cá nhân cập nhật và hiện đại được kỳ vọng có tác động tích cực tới việc người dân tiếp cận các kênh tiết kiệm chính thức nhiều hơn. Đồng thời, khi người dân có nền tảng hiểu biết tài chính cá nhân tốt, sử dụng các kênh tiết kiệm chính thức một cách an toàn và hiệu quả, sẽ tạo điều kiện nâng cao đời sống của bản thân họ và gia đình, qua đó làm gia tăng phúc lợi xã hội, góp phần phát triển kinh tế xã hội. Các kết quả nghiên cứu đánh giá hiểu biết tài chính cá

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

nhân và tiếp cận dịch vụ tiết kiệm chính thức của người dân khu vực nông thôn sẽ là cơ sở hữu ích cho khuyến nghị chính sách, hàm ý quản trị đối với các ngân hàng thương mại, hàm ý quản lý tài chính cá nhân cho người dân khu vực nông thôn trong việc cải thiện hiểu biết tài chính cá nhân và thúc đẩy họ tiếp cận và sử dụng các dịch vụ tiết kiệm theo các kênh chính thức, góp phần phát triển kinh tế xã hội bền vững tại khu vực nông thôn Việt Nam.

2. Tổng quan nghiên cứu

Cho đến nay, nhìn chung các nhà nghiên cứu có nhiều cách tiếp cận không hoàn toàn đồng nhất dẫn tới có nhiều cách định nghĩa khác nhau về hiểu biết tài chính cá nhân. Servon và Kaestner (2008) định nghĩa hiểu biết tài chính cá nhân là “Khả năng hiểu và sử dụng các khái niệm tài chính của một người”. Abd Rahman và cộng sự (2020) dẫn khái niệm của Garman và Gappinger về hiểu biết về tài chính là “Kiến thức về các sự kiện, khái niệm, nguyên tắc và các công cụ công nghệ cơ bản để trở nên thông minh về tiền bạc”. Remund (2010) cho rằng “Hiểu biết tài chính là một đại lượng đo lường mức độ hiểu biết các khái niệm cơ bản về tài chính và có khả năng cùng sự tự tin để quản lý tài chính cá nhân thông qua việc ra các quyết định hợp lý trong ngắn hạn một cách có cơ sở, lập kế hoạch tài chính dài hạn, đồng thời sống có trách nhiệm hay quan tâm tới cuộc sống và các thay đổi về điều kiện kinh tế”. Theo OECD (2013), hiểu biết tài chính được định nghĩa là “Một sự kết hợp của nhận thức, kiến thức, kỹ năng, thái độ và hành vi cần thiết để đưa ra các quyết định tài chính đúng đắn và cuối cùng đạt được sự thịnh vượng tài chính cá nhân”.

Kiến thức tài chính là một thành phần không thể thiếu của hiểu biết về tài chính, nhưng không đồng nhất với hiểu biết về tài chính (J.Huston, 2010). Đồng thời, thái độ tài chính cá nhân có quan hệ mật thiết với hiểu biết về tài chính cá nhân (Grable, 1998). Puneet (2014) kết luận rằng đề nâng cao hiểu biết về tài chính giữa các thế hệ, cần tập trung vào việc phát triển thái độ tích cực về tài chính cũng như cải thiện kỹ năng tài chính của người dân trong nước. Các nghiên cứu về chủ đề hiểu biết tài chính cá nhân xác định mối quan hệ đáng kể không chỉ giữa thái độ tài chính và hành vi quản lý tài chính mà còn giữa kỹ năng tài chính và hành vi quản lý tài chính; tuy nhiên, mối quan hệ là không đáng kể giữa kiến thức tài chính và hành vi tài chính (Dewi et al., 2020). Theo OECD (2013a), hành vi tài chính là thành phần cơ

bản rất quan trọng cấu thành nên hiểu biết tài chính. Hành vi tài chính cá nhân thể hiện qua việc ra quyết định tài chính và quản lý tiền bạc như xây dựng và kiểm soát chương trình ngân sách phù hợp, thanh toán hóa đơn nhanh chóng và hình thành thói quen tiết kiệm thường xuyên.

Hiểu biết về tài chính có thể được xác định bởi nhiều yếu tố như giới tính, tuổi tác, nghề nghiệp, giáo dục, các tác nhân xã hội hóa tài chính. Theo Anh và cộng sự (2018) thì hiểu biết tài chính chịu tác động bởi các yếu tố như giới tính, tuổi tác, trình độ học vấn, việc làm và thu nhập của người dân.

Trong nghiên cứu này, hiểu biết về tài chính được định nghĩa là “*sự kết hợp giữa nhận thức, kiến thức, kỹ năng, thái độ và hành vi cần thiết để đưa ra các quyết định tài chính hợp lý và cuối cùng đạt được hạnh phúc cá nhân*”.

3. Thiết kế nghiên cứu

Khung nội dung hiểu biết tài chính cá nhân trong nghiên cứu này bao gồm: (i) Kiến thức tài chính; (ii) Thái độ tài chính; (iii) Kỹ năng tài chính và (iv) Hành vi tài chính. Trong bối cảnh nghiên cứu tại Việt Nam, việc đo lường hiểu biết tài chính bằng cách đánh giá khách quan sẽ có ý nghĩa hơn là dựa trên tự đánh giá chủ quan của mỗi đáp viên, đồng thời, nghiên cứu này cũng bổ sung việc xem xét các khía cạnh bao gồm giới tính, nhóm tuổi, tình trạng hôn nhân, vai trò trong gia đình, nghề nghiệp, trình độ học vấn, tôn giáo và thu nhập trong việc phân tích ảnh hưởng của hiểu biết tài chính tới việc tiếp cận các kênh tiết kiệm chính thức.

Kế thừa các kết quả nghiên cứu đã công bố, mô hình nghiên cứu ảnh hưởng của hiểu biết tài chính đến quyết định tiết kiệm qua các kênh chính thức được xác lập như sau:

$$\ln \frac{P(QD_{TKCT}=1)}{P(QD_{TKCT}=0)} = \beta_0 + \beta_i FL_i + \beta_j CV_j \quad (1)$$

Trong đó:

$P(QD_{TKCT} = 1) = P_{0_TKCT}$ là xác suất người dân tiết kiệm qua các kênh chính thức

$P(QD_{TKCT} = 0) = 1 - P_{0_TKCT}$ là xác suất người dân không tiết kiệm qua các kênh chính thức

\ln : Log của cơ số e (e=2,714)

β_0 : Tung độ gốc

β_i : Hệ số hồi quy của biến khía cạnh hiểu biết tài chính FL_i

β_j : Hệ số hồi quy của biến điều tiết CV_j

Các biến giải thích được thể hiện trong Bảng 1 dưới đây:

Bảng 1: Danh mục biến đo lường hiểu biết tài chính cá nhân

Biến số	Mã hóa	Thang đo	Đo lường
Kiến thức tài chính	FL ₁	Liên tục, 5 bậc	Trắc nghiệm khách quan
Kỹ năng tài chính	FL ₂	Liên tục, 5 bậc	Trắc nghiệm khách quan
Thái độ tài chính	FL ₃	Liên tục, 5 bậc	Trắc nghiệm khách quan
Hành vi tài chính	FL ₄	Liên tục, 5 bậc	Trắc nghiệm khách quan

(Nguồn: Thiết kế nghiên cứu của các tác giả)

Các biến FL_i được đánh giá thông qua bộ câu hỏi trắc nghiệm từ dễ đến khó, kiểm tra bằng trắc nghiệm khách quan yêu cầu đáp viên trả lời, mỗi biến FL_i gồm một tập hợp câu hỏi với 4 lựa chọn và chỉ có 1 đáp án đúng, mỗi câu trả lời đúng được 1 điểm và biến FL_i nhận giá trị là điểm trung bình của bộ câu hỏi thành phần và quy đổi trên thang điểm 5, do vậy, FL_i nhận giá trị là số dương, liên tục và trong khoảng từ 1 đến 5, trong đó mức điểm 1 là điểm đánh giá các đáp viên nhận giá trị điểm chấm FL_i nhỏ hơn hoặc bằng 1 điểm.

Các biến nghiên cứu thể hiện tiêu chí phân nhóm định tính được thiết kế dựa trên kết quả phân tích tổng quan nghiên cứu và thảo luận chuyên gia, thể hiện trong bảng 2.

Nghiên cứu sử dụng kỹ thuật khảo sát phi ngẫu nhiên thuận tiện bằng bảng hỏi trực tuyến cấu trúc được gửi qua kênh của Hội nông dân các huyện tham gia khảo sát, kết quả thu được 931 phiếu trả lời. Các thông tin phân nhóm mẫu khảo sát được thể hiện trong bảng dữ liệu dưới đây.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Kết quả phân tích thống kê mô tả

Kết quả phân tích thống kê mô tả các biến FL_i (bảng 4) cho thấy hầu hết các khía cạnh phản ánh hiểu biết tài chính cá nhân đều đạt điểm trung bình ở mức khá (trong khoảng ý nghĩa từ 3,41 đến 4,20). Cụ thể, kiến thức tài chính cá nhân đạt điểm trung bình 3,76 với độ lệch chuẩn 1,46; thái độ tài chính đạt điểm trung bình 3,71 với độ lệch chuẩn 1,23; hành vi tài chính đạt điểm trung bình 3,55 với độ

lệch chuẩn 1,24 và kỹ năng tài chính đạt điểm trung bình 3,51 với độ lệch chuẩn 1,35. Các biến FL_i đều có độ lệch chuẩn cao phản ánh sự không đồng nhất về hiểu biết tài chính theo từng khía cạnh giữa các đáp viên tham gia khảo sát. Sự khác biệt đó sẽ được khai thác và bình luận sâu hơn trong phần phân tích sự khác biệt về giá trị trung bình FL_i giữa các nhóm phân theo tiêu chí xã hội học.

4.2. Phân tích sự khác biệt về FL_i giữa các nhóm dân cư

- Sự khác biệt giữa các nhóm giới tính:

Kết quả phân tích (bảng 5) cho thấy có sự khác biệt trên cả 4 khía cạnh hiểu biết tài chính, trong đó về giá trị trung bình, nữ giới có mức hiểu biết tài chính cá nhân tốt nhất trong tất cả các nhóm. Đặc biệt mức độ hiểu biết tài chính của nữ giới và nam giới thuộc nhóm cao (khoảng ý nghĩa từ 3,41 đến 4,2) và nữ giới có mức độ hiểu biết tài chính cá nhân tốt hơn nam giới trong khi nhóm giới tính khác và không muốn trả lời thuộc nhóm khá (khoảng ý nghĩa từ 2,61 đến 3,4). Thực tế này có thể lý giải bởi thực tế trong gia đình ở nông thôn Việt Nam, nữ giới thường là người có vai trò quan trọng trong quản lý chi tiêu, tiết kiệm và thường là người chủ động quan tâm tới việc nâng cao hiểu biết tài chính cá nhân.

- Sự khác biệt giữa các nhóm tuổi:

Kết quả phân tích (bảng 6) cho thấy có sự khác biệt trên cả 4 khía cạnh hiểu biết tài chính, trong đó, về giá trị trung bình, kiến thức tài chính của nhóm đáp viên trong độ tuổi từ 30 đến 39 đạt mức

Bảng 2: Danh mục biến xã hội học và nhân khẩu học

Biến số	Mã hóa	Thang đo	Nguồn thu thập
Giới tính	Gen	Định danh	Hồ sơ đáp viên
Nhóm tuổi	Age	Định danh	Khảo sát
Tình trạng hôn nhân	Mar	Định danh	Khảo sát
Vai trò trong gia đình	Rol	Định danh	Khảo sát
Nghề nghiệp	Car	Định danh	Khảo sát
Học vấn	Edu	Định danh	Khảo sát
Tôn giáo	Rel	Định danh	Khảo sát
Thu nhập	Inc	Định danh	Khảo sát

(Nguồn: Thiết kế nghiên cứu của các tác giả)

Bảng 3: Cấu trúc mẫu khảo sát theo các tiêu chí phân nhóm

Tiêu chí	Nội dung	Số lượng (tỷ lệ)
Giới tính	Nam	488 (52,4%)
	Nữ	413 (44,4%)
	Khác	10 (1,1%)
	Không muốn trả lời	20 (2,1%)
Độ tuổi	18 đến 19	202 (21,7%)
	20 đến 29	276 (29,6%)
	30 đến 39	135 (8,6%)
	40 đến 49	224 (24,1%)
	50 đến 59	135 (8,6%)
	60 đến 69	10 (1,1%)
	70 đến 79	4 (0,4%)
	Độc thân	495 (53,2%)
Hôn nhân	Đã kết hôn	329 (35,3%)
	Ly hôn	35 (3,8%)
	Đã tái hôn	39 (4,2%)
	Không muốn trả lời	33 (3,5%)
Vai trò trong gia đình	Nhóm người phụ thuộc	356 (38,2%)
	Nhóm người tham gia đóng góp	298 (32%)
	Nhóm lao động chính	277 (29,8%)
Nghề nghiệp	Hiện không có công việc	420 (45,1%)
	Thuần túy nông nghiệp	112 (12%)
	Làm nông nghiệp kết hợp nghề khác	174 (18,7%)
	Phi nông nghiệp	225 (24,2%)
Học vấn	Chưa hết cấp 1	28 (3%)
	Cấp 1	27 (2,9%)
	Cấp 2	50 (5,4%)
	Cấp 3	360 (38,7%)
	Tốt nghiệp trung cấp	152 (16,3%)
	Tốt nghiệp cao đẳng-đại học	241 (25,9%)
	Sau đại học	73 (7,8%)
Tôn giáo	Không	834 (89,6%)
	Phật giáo	55 (5,9%)
	Công giáo	22 (2,4%)
	Tin lành	2 (0,2%)
	Cao đài	1 (0,1%)
	Ấn Độ giáo	1 (0,1%)
	Hồi giáo	12 (1,3%)
	Khác	4 (0,4%)
Thu nhập	Nghèo	216 (23,2%)
	Cận nghèo	90 (9,7%)
	Trung bình	244 (26,2%)
	Khá	112 (12%)
	Giàu	269 (28,9%)

(Nguồn: Thiết kế nghiên cứu của các tác giả)

cao nhất (gần 4,2 điểm). Kỹ năng tài chính của nhóm đáp viên trong độ tuổi từ 18 đến 19 đạt mức cao nhất (gần 3,8 điểm). Nhóm có điểm trung bình thái độ tài chính cao nhất là nhóm độ tuổi từ 30 đến 39 (gần mức 4,2 điểm). Sự khác biệt về điểm trung bình hành vi tài chính cũng tương tự như đối với điểm trung bình về thái độ tài chính. Thực tế đó có thể được giải thích bởi theo thời gian, khi tuổi tăng lên, người nông dân cũng có tích lũy tốt hơn không chỉ ở kiến thức tài chính cả

nhân, mà còn trong thái độ, kỹ năng và hành vi tài chính cá nhân, tuy nhiên ở các nhóm đáp viên cao tuổi (từ 70 đến 79 tuổi) thì cả 4 khía cạnh biểu biết tài chính cá nhân đều thể hiện điểm trung bình thấp hơn các nhóm đối chứng.

- Sự khác biệt giữa các nhóm phân theo tình trạng hôn nhân:

Kết quả phân tích (bảng 7) cho thấy có sự khác biệt trên cả 4 khía cạnh hiểu biết tài chính giữa các nhóm theo tình trạng hôn nhân. Trong đó, về giá

Bảng 4: Thống kê mô tả FL_i

Biến số	Số lượng	Thấp nhất	Cao nhất	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Hệ số Skewness		Hệ số Kurtosis	
						Thống kê	Sai số chuẩn	Thống kê	Sai số chuẩn
FL ₁	931	1	5	3,76	1,463	-0,722	0,08	-1,023	0,16
FL ₂	931	1	5	3,51	1,346	-0,543	0,08	-0,874	0,16
FL ₃	931	1	5	3,71	1,227	-0,364	0,08	-1,053	0,16
FL ₄	931	1	5	3,55	1,242	-0,238	0,08	-1,071	0,16

(Nguồn: Trích kết quả xử lý dữ liệu khảo sát)

Bảng 5: Sự khác biệt về FL_i giữa các nhóm giới tính

Giới tính	Số lượng	Kiến thức tài chính	Kỹ năng tài chính	Thái độ tài chính	Hành vi tài chính
Nam	488	3,71	3,46	3,65	3,57
Nữ	413	3,86	3,60	3,84	3,59
Khác	10	2,40	2,90	2,70	2,50
Không muốn trả lời	20	3,40	2,95	2,75	2,80
Mức ý nghĩa		0,005*	0,045*	0,000*	0,002*

(Nguồn: Trích kết quả xử lý dữ liệu khảo sát)

Bảng 6: Sự khác biệt về FL_i giữa các nhóm tuổi

Nhóm tuổi	Số lượng	Kiến thức tài chính	Kỹ năng tài chính	Thái độ tài chính	Hành vi tài chính
Từ 18-19	202	3,88	3,79	3,62	3,29
Từ 20-29	276	4,08	3,72	3,82	3,61
Từ 30-39	135	4,13	3,64	4,18	4,15
Từ 40-49	224	3,39	3,17	3,56	3,51
Từ 50-59	80	2,90	2,81	3,34	3,29
Từ 60-69	10	2,90	3,40	2,60	2,70
Từ 70-79	4	2,50	2,50	2,50	2,50
Mức ý nghĩa		0,000*	0,000*	0,000*	0,000*

(Nguồn: Trích kết quả xử lý dữ liệu khảo sát)

Bảng 7: Sự khác biệt về FL_i giữa các nhóm phân theo tình trạng hôn nhân

Nhóm tuổi	Số lượng	Kiến thức tài chính	Kỹ năng tài chính	Thái độ tài chính	Hành vi tài chính
Độc thân	495	3,91	3,67	3,69	3,46
Đã kết hôn	329	3,69	3,45	3,89	3,84
Ly hôn	35	2,66	2,40	2,94	2,86
Tái hôn	39	3,85	3,15	3,79	3,79
Không muốn trả lời	33	3,15	3,18	2,79	2,52
Mức ý nghĩa		0,000*	0,000*	0,000*	0,000*

(Nguồn: Trích kết quả xử lý dữ liệu khảo sát)

trị trung bình, kiến thức tài chính của nhóm người chưa kết hôn (độc thân) đạt mức cao nhất (xấp xỉ 4 điểm), trong khi nhóm đã ly hôn đạt điểm trung bình kiến thức tài chính thấp nhất (chưa tới 2,7

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

điểm). Nhóm người độc thân có kỹ năng tài chính tốt nhất (điểm trung bình xấp xỉ 3,7 điểm) trong khi kỹ năng tài chính của nhóm đã ly hôn đạt mức thấp nhất (chưa tới 2,5 điểm). Thái độ tài chính của nhóm người đã kết hôn đạt mức cao nhất (xấp xỉ 3,9 điểm) trong khi nhóm đã ly hôn và nhóm không muốn trả lời có thái độ tài chính đạt mức thấp nhất (chưa tới 3 điểm). Sự khác biệt về điểm trung bình hành vi tài chính cũng tương tự như đối với điểm trung bình về thái độ tài chính. Nhóm người độc thân có kiến thức và kỹ năng tài chính tốt hơn nhóm đã kết hôn song thái độ và hành vi của nhóm độc thân lại không tốt bằng nhóm đã kết hôn. Thực tế này phần nào dễ giải thích do các nhóm người hiện đang có gia đình có động lực tìm hiểu và kinh nghiệm nhiều hơn so với nhóm người độc thân nên chính vì vậy thái độ tài chính và hành vi tài chính của họ tốt hơn so với những người độc thân. Nhóm người đã ly hôn có mức độ hiểu biết tài chính thấp nhất vì vậy cần cải thiện mức độ hiểu biết tài chính của nhóm người này.

- Sự khác biệt giữa các nhóm theo vai trò trong gia đình về kinh tế tài chính:

Bảng 8: Sự khác biệt về FL_i giữa các nhóm phân theo vai trò trong gia đình

Nhóm tuổi	Số lượng	Kiến thức tài chính	Kỹ năng tài chính	Thái độ tài chính	Hành vi tài chính
Người phụ thuộc	356	3,95	3,76	3,64	3,34
Người tham gia đóng góp	298	3,51	3,39	3,70	3,64
Lao động chính	277	3,77	3,31	3,79	3,72
Mức ý nghĩa		0,001*	0,000*	0,324	0,000*

(Nguồn: Trích kết quả xử lý dữ liệu khảo sát)

Kết quả phân tích (bảng 8) cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở khía cạnh kiến thức tài chính, kỹ năng tài chính và hành vi tài chính giữa các đáp viên phân theo vai trò trong gia đình. Trong đó, về giá trị trung bình, kiến thức tài chính của nhóm người phụ thuộc đạt mức cao nhất (xấp

xi 4 điểm) trong khi nhóm người tham gia đóng góp vào thu nhập của gia đình có kiến thức tài chính đạt mức thấp nhất (xấp xỉ 3,5 điểm). Nhóm người phụ thuộc có điểm trung bình kỹ năng tài chính đạt mức cao nhất (xấp xỉ 3,8 điểm), trong khi kỹ năng tài chính của nhóm người lao động chính, nguồn thu nhập chính quan trọng nhất trong gia đình lại đạt mức thấp nhất (xấp xỉ 3,3 điểm). Hành vi tài chính của nhóm người lao động chính đạt điểm trung bình cao nhất (xấp xỉ 3,8 điểm), trong khi nhóm người tham gia đóng góp vào thu nhập của gia đình có hành vi tài chính đạt điểm thấp nhất (xấp xỉ 3,3 điểm). Nhóm người lao động chính và tham gia đóng góp tuy có kiến thức tài chính và kỹ năng tài chính thấp hơn so với nhóm người phụ thuộc nhưng hành vi tài chính của họ rất cao chứng tỏ rằng tuy không am hiểu nhiều về kiến thức tài chính nhưng hành vi tài chính của họ lại rất tốt vì nhóm những người này đem lại nguồn thu nhập chủ yếu cho gia đình.

- Sự khác biệt giữa các nhóm nghề nghiệp:

Kết quả phân tích (bảng 9) cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trên cả 4 khía cạnh hiểu

biết tài chính giữa các nhóm phân theo nghề nghiệp, trong đó nhóm những người làm nghề phi nông nghiệp có mức độ hiểu biết tài chính tốt hơn so với nhóm người làm nông nghiệp thuần túy. Về giá trị trung bình, kiến thức tài chính của nhóm đáp viên làm nghề phi nông nghiệp đạt mức cao

Bảng 9: Sự khác biệt về FL_i giữa các nhóm phân theo nghề nghiệp

Nhóm tuổi	Số lượng	Kiến thức tài chính	Kỹ năng tài chính	Thái độ tài chính	Hành vi tài chính
Hiện không có công việc ổn định	420	3,86	3,66	3,61	3,34
Thuần túy nông nghiệp	112	2,66	2,63	3,12	3,12
Làm nông nghiệp kết hợp với nghề khác	174	3,23	3,31	3,44	3,36
Làm nghề phi nông nghiệp	225	4,52	3,81	4,39	4,32
Mức ý nghĩa		0,000*	0,000*	0,000*	0,000*

(Nguồn: Trích kết quả xử lý dữ liệu khảo sát)

nhất (trên 4,5 điểm) trong khi nhóm người làm nghề thuần túy nông nghiệp có kiến thức tài chính đạt điểm thấp nhất (gần 2,7 điểm). Sự khác biệt về điểm trung bình Kỹ năng tài chính, Thái độ tài chính và Hành vi tài chính cũng tương tự như đối với điểm trung bình về Kiến thức tài chính, trong đó xét về các khía cạnh hiểu biết tài chính, những người làm nghề thuần nông tỏ ra yếu thế hơn các nhóm đối chứng còn lại.

- Sự khác biệt giữa các nhóm theo trình độ học vấn:

Bảng 10: Sự khác biệt về FL_i giữa các nhóm phân theo trình độ học vấn

Nhóm tuổi	Số lượng	Kiến thức tài chính	Kỹ năng tài chính	Thái độ tài chính	Hành vi tài chính
Chưa hết Tiểu học	28	3,04	3,36	2,64	2,50
Tiểu học	27	2,67	2,44	2,81	2,74
Trung học cơ sở	50	2,26	2,86	2,86	2,80
Trung học phổ thông	360	4,06	3,92	3,93	3,74
Tốt nghiệp trung cấp	152	3,06	2,97	3,14	3,08
Tốt nghiệp cao đẳng, đại học	241	4,12	3,52	3,97	3,71
Tốt nghiệp sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ,...)	73	4,19	3,45	4,22	4,29
Mức ý nghĩa		0,000*	0,000*	0,000*	0,000*

(Nguồn: Trích kết quả xử lý dữ liệu khảo sát)

Kết quả phân tích (bảng 10) cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trên cả 4 khía cạnh hiểu biết tài chính giữa các nhóm theo trình độ học vấn. Người dân có trình độ học vấn càng cao thì mức độ hiểu biết tài chính của họ càng cao. Trong đó, về giá trị trung bình, kiến thức, kỹ năng, thái độ, hành vi tài chính của nhóm đáp viên Tốt nghiệp sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ,...) luôn đạt mức cao nhất. Kết quả đánh giá về các khía cạnh hiểu biết tài chính thấp nhất thuộc về nhóm mới chỉ học hết bậc Tiểu học, tuy vậy, điểm trung

Bảng 11: Sự khác biệt về FL_i giữa các nhóm phân theo tín ngưỡng tôn giáo

Nhóm tuổi	Số lượng	Kiến thức tài chính	Kỹ năng tài chính	Thái độ tài chính	Hành vi tài chính
Không	834	3,87	3,61	3,77	3,62
Phật giáo	55	2,71	2,55	3,29	3,02
Công giáo	22	3,32	3,05	3,32	2,77
Tin Lành	2	4,50	4,50	4,00	4,00
Cao Đài	1	1,00	1,00	3,00	3,00
Ấn Độ giáo	1	1,00	1,00	3,00	3,00
Hồi giáo	12	1,92	1,67	2,58	2,67
Tôn giáo khác	4	2,75	3,00	2,50	2,50
Mức ý nghĩa		0,000*	0,000*	0,001*	0,000*

(Nguồn: Trích kết quả xử lý dữ liệu khảo sát)

bình của các biến trên cũng không có sự khác biệt nhiều giữa các nhóm đáp viên có trình độ từ Trung học phổ thông trở lên, điều này phần nào cho thấy ảnh hưởng của giáo dục phổ thông có tác động tới hiểu biết tài chính rõ nét hơn là các bậc đào tạo từ trung cấp trở lên.

- Sự khác biệt giữa các nhóm phân theo tín ngưỡng tôn giáo:

Kết quả phân tích (bảng 11) cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trên cả 4 khía cạnh

hiểu biết tài chính. Trong đó, xét về kiến thức tài chính, nhóm người theo đạo Tin Lành đạt điểm tốt nhất (4,5 điểm) sau đó đến nhóm người không có tôn giáo đạt điểm khá cao (xấp xỉ 3,9 điểm), nhóm người thuộc Ấn Độ giáo và đạo Cao Đài đạt mức điểm thấp nhất (1 điểm). Kỹ năng tài chính của nhóm người theo đạo Tin Lành đạt điểm trung bình tốt nhất (4,5 điểm), kế tiếp là nhóm người không có tôn giáo đạt điểm xấp xỉ 3. 6 điểm, nhóm người thuộc Ấn Độ giáo và đạo Cao Đài có mức điểm thấp nhất (1 điểm). Thái độ tài chính

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

của nhóm người theo đạo Tin Lành đạt mức tốt nhất (4 điểm) sau đó đến nhóm người không có tôn giáo đạt điểm khá cao (xấp xỉ 3,8 điểm), trong khi nhóm người thuộc tôn giáo khác có điểm trung bình thái độ tài chính thấp nhất (2,5 điểm). Hành vi tài chính của nhóm người theo đạo Tin Lành đạt mức điểm tốt nhất (4 điểm) sau đó đến nhóm người không có tôn giáo đạt điểm khá cao xấp xỉ 3,8 điểm, trong khi nhóm người thuộc tôn giáo khác có mức điểm thấp nhất (2,5 điểm). Mặc dù nhóm theo đạo Tin Lành có mức điểm trung bình hiểu biết tài chính rất cao song số lượng đáp viên thuộc nhóm đó lại chỉ có 2 người. Đồng thời, họ cũng là đáp viên có trình độ thuộc nhóm cao đẳng đại học, ở nhóm tuổi 18 đến 19 và 20 đến 29 chính vì vậy điểm trung bình hiểu biết tài chính của họ rất cao. Nhóm cư dân nông thôn không mang tôn giáo thể hiện hiểu biết tài chính tốt hơn so với các nhóm còn lại. Kết quả này cũng mang hàm ý, để thúc đẩy việc cải thiện hiểu biết tài chính của người dân khu vực nông thôn, các biện pháp hỗ trợ, tư vấn cần được thiết kế và thực thi với mức độ tăng cường cao hơn đối với những người nông dân có tôn giáo thông qua tăng cường kiến thức, kỹ năng, thái độ và hành vi tài chính.

- Sự khác biệt giữa các nhóm thu nhập:

cao nhất (xấp xỉ 4,6 điểm) trong khi hành vi tài chính của nhóm thu nhập trung bình đạt mức thấp nhất (xấp xỉ 3,1 điểm). Lý giải điều trên chúng tôi thấy rằng thu nhập càng cao thì kiến thức tài chính càng tốt và có xu hướng tăng dần. Trong khi đó, những người có thu nhập cận nghèo lại không có hiểu biết tài chính tốt hơn nhóm đáp viên nghèo, có thể do nhóm thuộc đối tượng hộ nghèo tốt được hỗ trợ nhiều hơn về hiểu biết tài chính và tạo cơ hội nhiều hơn để tiếp cận với các dịch vụ tài chính để thoát nghèo, trong khi các đáp viên có thu nhập trung bình dường như cũng rơi vào bẫy “nhận thức trung bình” và kém quan tâm tới việc cải thiện hiểu biết tài chính của bản thân.

4.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến xác suất sử dụng kênh tiết kiệm chính thức

Kết quả phân tích hồi quy Binary Logistic mô hình trên với biến phụ thuộc là biến nhị phân. Quá trình phân tích cần được tiếp tục với việc loại các biến nghiên cứu không có ý nghĩa thống kê để thu được mô hình nghiên cứu tối ưu, sử dụng trong việc đưa ra các phát hiện dựa trên kết quả phân tích.

Kết quả phân tích hồi quy Binary Logistic loại các biến không có ý nghĩa thống kê, thu được mô hình cho thấy các biến độc lập trong mô hình giải thích được 29% biến động xác suất quyết định của

Bảng 12: Sự khác biệt về FL_i giữa các nhóm thu nhập

Nhóm tuổi	Số lượng	Kiến thức tài chính	Kỹ năng tài chính	Thái độ tài chính	Hành vi tài chính
Nghèo	216	3,93	3,73	3,43	3,21
Cận nghèo	90	2,94	3,02	3,33	3,13
Trung bình	244	3,10	3,12	3,29	3,10
Khá	112	3,36	3,46	3,33	3,15
Giàu	269	4,65	3,86	4,58	4,54
Mức ý nghĩa		0,000*	0,000*	0,000*	0,000*

(Nguồn: Trích kết quả xử lý dữ liệu khảo sát)

Kết quả phân tích (bảng 12) sự khác biệt trên cả 4 khía cạnh hiểu biết tài chính, trong đó, về giá trị trung bình, kiến thức tài chính của nhóm đáp viên giàu đạt mức cao nhất (xấp xỉ 4,7 điểm) trong khi kiến thức tài chính của nhóm thu nhập cận nghèo đạt mức thấp nhất (gần 3 điểm). Kỹ năng tài chính của nhóm đáp viên giàu đạt mức cao nhất (xấp xỉ 3,9 điểm) trong khi kỹ năng tài chính của nhóm thu nhập cận nghèo đạt mức thấp nhất (gần 3 điểm). Thái độ tài chính của nhóm đáp viên giàu đạt mức cao nhất (xấp xỉ 4,6 điểm) trong khi thái độ tài chính của nhóm thu nhập trung bình đạt mức thấp nhất (xấp xỉ 3,2 điểm). Hành vi tài chính của nhóm đáp viên giàu đạt mức

người dân nông thôn có sử dụng các kênh tiết kiệm chính thức.

Các phân tích kế tiếp cho thấy, mô hình nghiên cứu điều chỉnh (loại biến) dự báo đúng xác suất sử dụng các kênh tiết kiệm chính thức của người dân khu vực nông thôn trong mẫu khảo sát với mức độ dự báo chung vào khoảng 69,7%.

Kết quả hồi quy cho thấy xác suất tiết kiệm qua các kênh chính thức chịu tác động thuận chiều của các yếu tố sắp xếp theo thứ tự quan trọng lần lượt là Kiến thức tài chính, Hành vi tài chính, Nhóm tuổi và Thu nhập, đồng thời chịu tác động ngược chiều từ Kỹ năng tài chính.

Bảng 13: Kết quả hồi quy Binary Logistic chưa loại biến

Biến nghiên cứu	Mô hình (1)		
	B	Sig.	Exp(B)
Kiến thức	0,599	0	1,82
Kỹ năng	-0,326	0	0,722
Thái độ	-0,109	0,295	0,897
Hành vi	0,356	0	1,427
Giới tính	-0,088	0,467	0,916
Nhóm tuổi	0,171	0,027	1,186
Hôn nhân	0,171	0,055	1,187
Vai trò	0,046	0,743	1,047
Nghề nghiệp	-0,051	0,562	0,95
Học vấn	0,004	0,946	1,004
Tôn giáo	-0,097	0,224	0,907
Thu nhập	0,328	0	1,388
Hằng số	-2,91	0	0,054

(Nguồn: Trích kết quả xử lý dữ liệu khảo sát)

Bảng 14: Mức độ giải thích của mô hình nghiên cứu sau khi loại biến

Hệ số	Mô hình (1)		
	-2 Log likelihood	Cox & Snell R Square	Nagelkerke R Square
Giá trị	1025,035 ^a	0,214	0,29

(Nguồn: Trích kết quả xử lý dữ liệu khảo sát)

Bảng 15: Mức độ dự đoán của mô hình nghiên cứu sau khi loại biến

	Phần trăm dự đoán đúng của mô hình (1)
Không	55,4
Có	79
Tổng thể	69,7

(Nguồn: Trích kết quả xử lý dữ liệu khảo sát)

Bảng 16: Kết quả hồi quy mô hình nghiên cứu sau khi loại biến

Biến phụ thuộc	“Xác suất tiết kiệm qua các kênh chính thức”		
	Beta	Sig.	Exp(B)
Kiến thức	0,578	0	1,782
Kỹ năng	-0,321	0	0,725
Hành vi	0,273	0	1,313
Nhóm tuổi	0,221	0,001	1,247
Thu nhập	0,324	0	1,382
Hằng số	-3,057	0	0,047

(Nguồn: Trích kết quả xử lý dữ liệu khảo sát)

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

Phương trình hồi quy từ mô hình loại biến:
 $\ln(\text{Odds}) = -3.057 + 0.578 \cdot \text{Kiến thức} - 0.321 \cdot \text{Kỹ năng} + 0.273 \cdot \text{Hành vi} + 0.221 \cdot \text{Nhóm tuổi} + 0.324 \cdot \text{Thu nhập}$

Để phân tích ảnh hưởng của các biến giải thích tới xác suất tiết kiệm qua các kênh chính thức, ta có bảng sau:

Bảng 17: P_1 cho mỗi biến số trong mô hình (1) với khởi đầu P_0 là 10%

Mô hình	(1)		
Biến phụ thuộc	“Xác suất tiết kiệm qua các kênh chính thức”		
Các hệ số	Beta	e^{Beta}	P_1
Kiến thức	0,578	1,782	16,53%
Kỹ năng	-0,321	0,725	7,46%
Hành vi	0,273	1,313	12,73%
Nhóm tuổi	0,221	1,247	12,17%
Thu nhập	0,324	1,382	13,31%

(Nguồn: Tính toán của tác giả từ kết quả phân tích)

- Với yếu tố “Kiến thức tài chính”

Kết quả nghiên cứu hàm ý rằng giả sử với xác suất ban đầu của việc người dân nông thôn tiết kiệm qua các kênh chính thức là 10% thì việc cải thiện “Kiến thức tài chính” cá nhân tăng thêm 1 điểm thì xác suất tiết kiệm qua các kênh chính thức của người dân nông thôn sẽ đạt mức 16,53% tức tăng thêm 6,53% so với xác suất ban đầu trong điều kiện các biến số khác không thay đổi.

- Với yếu tố “Kỹ năng tài chính”

Kết quả nghiên cứu hàm ý rằng với xác suất ban đầu của việc người dân nông thôn tiết kiệm qua các kênh chính thức là 10% thì khi “Kỹ năng tài chính” cá nhân tăng thêm 1 điểm thì xác suất tiết kiệm qua các kênh chính thức của người dân nông thôn sẽ giảm còn 7,46% tức giảm 2,54% so với xác suất ban đầu trong điều kiện các biến số khác không thay đổi. Điều này mang tới gợi ý rằng khi kỹ năng tài chính tăng lên, người dân nông thôn có thể có sự mạo hiểm lớn hơn và cho rằng bản thân có khả năng kiểm soát rủi ro tốt khi tiết kiệm vào các kênh tín dụng không chính thức.

- Với yếu tố “Hành vi tài chính”

Kết quả nghiên cứu hàm ý rằng với xác suất ban đầu của việc người dân nông thôn tiết kiệm qua các kênh chính thức là 10% thì việc cải thiện “Hành vi tài chính” cá nhân tăng thêm 1 đơn vị thì xác suất tiết kiệm qua các kênh chính thức của người dân nông thôn sẽ đạt mức

12,73% tức tăng thêm 2,73% so với xác suất ban đầu trong điều kiện các biến số khác không thay đổi.

- Với yếu tố “Nhóm tuổi”

Kết quả nghiên cứu hàm ý rằng với xác suất ban đầu của việc người dân nông thôn tiết kiệm qua các kênh chính thức là 10% thì việc cải thiện “nhóm tuổi” tăng thêm 1 đơn vị thì xác suất tiết kiệm qua các kênh chính thức của người dân nông thôn đạt mức còn 12,17% tức tăng thêm 2,17% so với xác suất ban đầu trong điều kiện các biến số khác không thay đổi.

- Với yếu tố “Thu nhập”

Kết quả nghiên cứu hàm ý rằng với xác suất ban đầu của việc người dân nông thôn tiết kiệm qua các kênh chính thức là 10% thì việc cải thiện “Thu nhập” tăng thêm 1 mức thì xác suất tiết kiệm qua các kênh chính thức của người dân nông thôn sẽ đạt mức 13,31% tức tăng thêm 3,31% so với xác suất ban đầu trong điều kiện các biến số khác không thay đổi.

5. Kết luận và các hàm ý, khuyến nghị

Các phát hiện nghiên cứu cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm trung bình đánh giá “Kiến thức tài chính cá nhân”, “Thái độ tài chính cá nhân”, “Kỹ năng tài chính cá nhân” và “Hành vi tài chính cá nhân” khi so sánh các nhóm đáp viên phân theo tiêu chí xã hội. Trong đó, các nhóm có ưu thế về các khía cạnh hiểu biết tài chính cá nhân là nhóm giới tính nữ, nhóm độ tuổi từ 30 đến 39, nhóm người độc thân, nhóm người phụ thuộc, nhóm người hành nghề phi nông nghiệp so với các nhóm đối chứng. Học vấn càng cao thì hiểu biết tài chính của người dân càng tốt, tuy nhiên giữa các nhóm từ trình độ tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên thì không có nhiều khác biệt về hiểu biết tài chính cá nhân. Đồng thời nhóm dân cư tôn giáo có hiểu biết tài chính cá nhân về trung bình thấp hơn nhóm không có tôn giáo.

Đối chiếu với mô hình nghiên cứu ban đầu về các khía cạnh hiểu biết tài chính cá nhân, nghiên cứu chưa tìm thấy bằng chứng có ý nghĩa thống kê về ảnh hưởng của “Thái độ tài chính cá nhân” tới quyết định sử dụng các kênh tiết kiệm chính thức của người dân khu vực nông thôn miền Bắc Việt Nam.

Các phát hiện nghiên cứu cho thấy “Kiến thức tài chính cá nhân”, “Hành vi tài chính cá nhân”, “Nhóm tuổi và “Thu nhập” có ảnh hưởng thuận chiều trong khi “Kỹ năng tài chính cá nhân” có tác động ngược chiều tới xác suất lựa chọn sử dụng các kênh tiết kiệm chính thức của người dân khu vực nông thôn miền Bắc Việt Nam trong phạm vi khảo sát.

Các kết quả đánh giá về hiện trạng hiểu biết tài chính cá nhân trên các khía cạnh đo lường khách quan về kiến thức tài chính, kỹ năng tài chính, thái độ tài chính và hành vi tài chính cá nhân của người dân khu vực nông thôn miền Bắc Việt Nam trong phạm vi khảo sát, có thể sử dụng làm cơ sở cho các khuyến nghị chính sách nhằm cải thiện hiểu biết tài chính cá nhân của người dân khu vực

nông thôn miền Bắc Việt Nam, tập trung vào các nhóm hiện đang thể hiện hạn chế về điểm đánh giá hiểu biết tài chính như nam giới, nhóm người cao tuổi, nhóm người đã ly hôn, nhóm lao động chính trong gia đình, nhóm hành nghề thuần nông, nhóm dân cư theo tôn giáo, nhóm dân cư có thu nhập thấp.

Kết quả nghiên cứu đánh giá về sự khác biệt hiểu biết tài chính giữa các nhóm dân cư, ảnh hưởng của hiểu biết tài chính tới tiếp cận dịch vụ tiết kiệm chính thức của người dân, làm cơ sở cho việc đưa ra những giải pháp và kiến nghị quản lý đối với Mặt trận tổ quốc Việt Nam (trong đó có các tổ chức tôn giáo, Hội người Cao tuổi Việt Nam, các Hiệp hội nghề nghiệp ở khu vực nông thôn), Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam các cấp tại khu vực nông thôn miền Bắc Việt Nam, để có những biện pháp cụ thể nhằm cải thiện hiểu biết tài chính cá nhân, khuyến khích tiếp cận dịch vụ tiết kiệm chính thức cho các nhóm dân cư cụ thể tại khu vực nông thôn miền Bắc Việt Nam, đặc biệt chú trọng tới nữ giới, nhóm người cao tuổi, nhóm đã kết hôn hoặc tái hôn, nhóm cư dân tôn giáo cũng như giúp người dân cải thiện trình độ học vấn song hành với nâng cao thu nhập, giúp các thành viên tham gia trong mỗi tổ chức chính trị xã hội tăng cường tiếp cận dịch vụ tiết kiệm chính thức, bằng cách đó giúp họ cải thiện kinh tế gia đình, xóa đói, giảm nghèo, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gia đình và tài chính cá nhân một cách bền vững. ♦

Tài liệu tham khảo:

Abd Rahman, I., Rusli, M. A., Othman, A. S., & Aziz, A. (2020). Financial Literations of public sector employment: Issues and Challenges. *Advanced International Journal of Banking, Accounting and Finance*, 2(3), 13-25. <https://doi.org/10.35631/AIJBAF.23002>

Anh, K. T., Anh, N., Thương, N. T. T., Nhân, N. T. T., & Lâm, H. N. S. (2018). Một số vấn đề về dân trí tài chính tại vùng nông thôn Việt Nam. *Kinh tế Việt Nam năm 2018 và Triển vọng năm 2019: Hướng tới chính sách tài khóa bền vững và hỗ trợ tăng trưởng*.

Dewi, V., Febrian, E., Effendi, N., & Anwar, M. (2020). Financial Literacy among the Millennial Generation: Relationships between Knowledge, Skills, Attitude, and Behavior. *Australasian Business, Accounting & Finance Journal*, 14(4), 24-37. <https://doi.org/10.14453/aabfj.v14i4.3>.

Grable, J. E. (1998). Investor risk tolerance: Testing the efficacy of demographics as differentiating and classifying factors. *Journal of Financial Counseling and Planning*.

J.Huston, S. (2010). Measuring Financial Literacy. *Journal of Consumer Affairs*, 44(2), 296-316.

OECD (Ed.). (2013a). *Improving financial education effectiveness through behavioural economics: OECD key finding and way forward*.

OECD. (2013b). PISA 2012 Financial Literacy Framework. In *PISA 2012 Assessment and Analytical Framework*.

Puneet, B. (2014). Relationship between Financial Literacy and Investment Behavior of Salaried Individuals. *Journal of Business Management & Social Sciences Research*, 3(5), 82-87.

Remund, D. L. (2010). Financial Literacy Explicated: The Case for a Clearer Definition in an Increasingly Complex Economy. *Journal of Consumer Affairs*, 44(2), 276-295. <https://doi.org/10.1111/j.1745-6606.2010.01169.x>.

Servon, L. J., & Kaestner, R. (2008). Consumer Financial Literacy and the Impact of Online Banking on the Financial Behavior of Lower-Income Bank Customers. *Journal of Consumer Affairs*, 42(2), 271-305. <https://doi.org/10.1111/j.1745-6606.2008.00108.x>.

Summary

Formal savings channels are chosen by rural residents who value safety and consistency in profitability. On the contrary, using informal savings channels may result in higher interest rates but also carries more risk. This study aimed to investigate the impact of personal financial knowledge on the likelihood of rural inhabitants choosing to save money through official channels. Following that, the study makes implications and recommendations to encourage rural people to employ safe and effective forms of savings. With 931 respondents, a survey data study was done using a structured online questionnaire and a convenient non-probability sampling technique, and using descriptive statistical analysis techniques, ANOVA and Binary Logistic regression. According to the research findings, there is a statistically significant variation in mean scores on components of personal financial literacy among groups of respondents categorised based on sociodemographic factors. The likelihood of saving through official channels (buying bonds, saving at commercial banks,...) is positively influenced by the factors “Financial Knowledge”, “Financial Behavior”, “Age Group”, and “Income”, and negatively influenced by “Financial Skills”. The findings of the study serve as the foundation for personal financial management implications and policy recommendations to raise financial literacy, encourage rural people to use official savings channels, and contribute to the development of financial inclusion in Vietnam’s rural areas.